

Bản án số: **43** /2022/HS-ST

Ngày 30/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Năm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2022/TLST-HS, ngày 28 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Thị H - Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1989, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Văn M (không xác định hiện làm gì, ở đâu)

Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957, hiện ở khu B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chồng: Nguyễn Anh N, sinh năm 1980, hiện ở khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011.

Anh chị em ruột: Không

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/11/2022. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Thị Q1 - Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1987, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Bùi Văn C, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1955 hiện ở khu B, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chồng: Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1973, hiện ở khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017.

Anh chị em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ 3.

- Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/11/2022. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Q2 - Sinh ngày 07 tháng 7 năm 1978, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; **Tên gọi khác:** Không; **Nơi cư trú:** Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Ngọc Đ (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1936 hiện ở khu E, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Triệu Thị L, sinh năm 1989, hiện ở khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011.

Anh chị em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1980, bị cáo là con thứ 4.

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/11/2022. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Đào Thị H2 - Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1978, tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; **Tên gọi khác:** Không; **Nơi cư trú:** Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đào Văn L1; Con bà: Phan Thị B (Đều đã chết)

Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, hiện ở khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Con: Có 01 con, sinh năm 2004

Anh chị em ruột: Có 06 người, lớn nhất đã chết, bị cáo là con thứ 6.

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/11/2022. Hiện tại ngoại tại nơi cư trú, hôm nay có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Khu A, T, huyện T, tỉnh Phú Thọ ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Mạnh C1, sinh năm 1969;

Chức vụ: Trưởng phòng an toàn pháp chế - Công ty cổ phần X

Nơi cư trú: Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 14/12/2004 (là con của bị cáo Đào Thị H2);
Nơi cư trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h50 ngày 09/7/2022, tại khu vực phía ngoài tường rào xây của Công ty cổ phần X thuộc khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tổ bảo vệ của Công ty phát hiện Đào Thị H2, sinh năm 1978, trú tại khu A, thị trấn T, huyện T đang vận chuyển một số bao xi măng bên trong có chứa các viên bi thép hợp kim hình cầu màu xám dùng cho máy nghiền xi măng, nghi là tài sản trộm cắp tại Công ty cổ phần X. Tổ bảo vệ đã báo cáo Công an thị trấn T đến lập biên bản sự việc. Tạm giữ của Đào Thị H2 06 bao chứa bi thép tổng số 75 viên, 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ANBICO, 01 chiếc mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu vàng, 01 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hoà, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, bên trong lắp sim số 0353 184 413. Đào Thị H2 khai nhận số bi sắt vừa mua của Bùi Thị Q1, sinh năm 1987 và Lê Thị H, sinh năm 1989, đều trú tại khu I, thị trấn T và đều là công nhân của Công ty cổ phần X. Công an thị trấn T đã chuyển nguồn tin về tội phạm nêu trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để xử lý theo pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 16h ngày 09/7/2022, Q1, Lê Thị H và Nguyễn Ngọc Q2 - sinh năm 1978, trú tại khu A, thị trấn T, huyện T đều là công nhân của phân xưởng thành phẩm – Công ty cổ phần X vào ca làm việc. Đến khoảng 17h cùng ngày do là giờ cao điểm nên máy nghiền tạm dừng hoạt động. Theo chỉ đạo của T1 ca, Q2 cùng một số công nhân của phân xưởng dùng máy xúc lật nạp các viên bi thép hợp kim vào máng nghiền nguyên liệu. Do gàu xúc của máy xúc lật lớn hơn diện tích miệng phễu của dây chuyền nghiền, nên một số viên bi thép rơi xuống nền phân xưởng. Sau khi nạp xong số bi thép vào dây chuyền nghiền thì số công nhân trong ca nghỉ ngơi đi ăn cơm, chỉ còn lại Q2, Q1 và Lê Thị H làm

công việc vệ sinh phân xưởng. Thấy một số viên bi thép rơi trên nền phân xưởng Lê Thị H rủ Q1 và Q2 lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân, Q1 và Q2 đồng ý. Rồi ba người tìm xung quanh được 06 vỏ bao xi măng nhặt các viên bi thép hợp kim màu xám cho vào trong bao. Do có mối quan hệ quen biết với Đào Thị H2, nên Q1 dùng điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A22 lắp sim số 0985 793 902 của Q1 gọi đến số điện thoại 0353 184 413 của Đào Thị H2 nói: “*Chị ơi hôm nay em có ít hàng có mua không em bán cho*”, Đào Thị H2 hỏi: “*Hàng gì*”, Q1 trả lời: “*Em có ít sắt vụn*”. Đào thị H3 hỏi: “*Bán ở đâu*”, Q1 bảo: “*Chị đi vào đoạn đường giáp bờ tường của Công ty X, đi đến nhà cuối cùng*”. Sau đó ba người cùng nhau khênh 06 bao chứa bi thép ra bờ tường rào xây của công ty cách nơi đặt dây chuyền nghiền nguyên liệu khoảng 50m. Lê Thị H trèo lên trên mặt bờ tường rào, cùng Q1 và Q2 đưa các bao tải chứa bi thép để lên mặt bờ tường. Sau khi để 06 bao tải chứa bi thép lên mặt tường rào thì Q2 quay lại nơi làm việc, còn Lê Thị H và Q1 chờ Đào Thị H2 đến. Khi Đào Thị H2 đến, Q1 và Lê Thị H thả các bao chứa bi thép xuống chân tường rào phía ngoài, có 02 bao bị rách các viên bi lăn ra ngoài. Đào Thị H2 hỏi: “*Cái này lấy ở đâu*”, Lê Thị H trả lời: “*Lấy trong công ty*”. Ba người dùng bao tải của Đào Thị H2 đem theo cùng nhặt các viên bi rơi ra ngoài và trong bao rách rồi đưa tất cả các bao lên cân được 270kg, cân xong số bi thép thì Q1 trèo tường đi vào phía trong công ty, chỉ còn Lê Thị H ở lại thanh toán tiền bán bi thép. Đào Thị H2 tính 10.000 đ/kg, nhưng hai người thỏa thuận Đào Thị H2 trả cho Lê Thị H số tiền 2.600.000 đ. Sau khi nhận tiền Lê Thị H trèo tường vào khu vực sản xuất chia tiền cho Q1 và Q2 mỗi người được 800.000 đ, nhưng trước đó Q1 còn nợ Lê Thị H số tiền 300.000 đ, nên Q1 trừ trừ số nợ, chỉ cầm 500.000 đ. Còn dư 200.000 đ Lê Thị H giữ, ba người thống nhất để mua hoa quả cùng ăn.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã yêu cầu định giá số bi thép do các đối tượng trộm cắp của Công ty cổ phần X. Tại Kết luận số 34 ngày 26/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: ***75 viên bi thép hợp kim nặng 270kg trị giá 2.700.000 đ.***

Về vật chứng của vụ án: Tạm giữ của Đào Thị H2 06 bao chứa bi thép tổng số 75 viên là tài sản mua của những đối tượng trộm cắp trong Công ty cổ phần X, 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ANBICO, 01 chiếc mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu vàng; 01 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hoà, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, bên trong lắp sim số 0353 184 413 đều là phương tiện và công cụ dùng vào việc đi mua tài sản trộm cắp.

Tạm giữ của Lê Thị H: Số tiền 1.300.000 đ do bán tài sản trộm cắp mà có; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A31 không có liên quan đến việc phạm tội.

Tạm giữ của Bùi Thị Q1: Số tiền 500.000đ do trộm cắp mà có; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A22 bên trong lắp sim số 0985 793 902 và sim số 0329 481795 dùng vào việc liên lạc bán tài sản trộm cắp được.

Tạm giữ của Nguyễn Ngọc Q2: Số tiền 800.000đ do trộm cắp mà có; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A38 không có liên quan đến việc phạm tội.

Bản Cáo trạng số: 37/CT-VKSTB ngày 25/11/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Lê Thị Hương, Bùi Thị Quý và Nguyễn Ngọc Q2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Đào Thị H2 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Đề nghị phạt Lê Thị H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không phạt bổ sung bị cáo.

Đề nghị phạt Bùi Thị Q1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không phạt bổ sung bị cáo.

Đề nghị phạt Nguyễn Ngọc Q2 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không phạt bổ sung bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị phạt Đào Thị H2 từ 20 đến 30 triệu đồng. Không phạt bổ sung bị cáo.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, không oan. Các bị cáo không tự bào chữa và cũng không tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào khoảng 19h50 ngày 09/7/2022, lợi dụng sơ hở không có người quản lý nên Lê Thị H đã rủ Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 đã cùng nhau trộm cắp 75 viên bi thép hợp kim của Công ty cổ phần X. Sau khi trộm cắp được tài sản, Bùi Thị Q1 đã liên lạc với Đào Thị H2 bằng cách gọi điện thoại để bán tài sản trộm cắp cho Đào Thị H2. Lê Thị H là người trực tiếp bán tài sản trộm cắp cho Đào Thị H2 và nhận số tiền 2.600.000đ. Lê Thị H đã chia cho Bùi Thị Q1, Nguyễn Ngọc Q2 mỗi người 800.000đ và bản thân Lê Thị H giữ lại 800.000đ, còn dư 200.000đ H cầm để mua hoa quả cùng ăn. Hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp của các bị cáo đã bị bảo vệ của Công ty cổ phần X phát hiện và trình báo Cơ quan Công an huyện T. Trị giá 75 viên bi thép hợp kim nặng 270kg mà các bị cáo đã trộm cắp của Công ty cổ phần X là 2.700.000 đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Còn đối với Đào Thị H2 biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn mua, mục đích đem bán để hưởng chênh lệch vì vậy đủ cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Với giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt và tiêu thụ thì việc truy tố, xét xử bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và truy tố xét xử Đào Thị H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3]. Về tính chất, mức độ phạm tội: Mặc dù tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây nên sự bất an, lo lắng trong quần chúng nhân dân về an ninh trật tự xã hội. Bản thân các

bị cáo có đầy đủ nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản và tiêu thu tài sản do phạm tội mà có là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật, hám lợi bất chính nên đã cố ý phạm tội vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng đủ để giáo dục các bị cáo và răn đe đối với những kẻ khác.

[4]. Về về vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với bị cáo Lê Thị H: Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia trộm cắp; Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tích cực; đồng thời cũng là người trực tiếp bán tài sản trộm cắp và nhận tiền. Do đó bị cáo Lê Thị H tham gia trộm cắp với vai trò chủ mưu phải chịu trách nhiệm cao hơn so với các bị cáo khác. Xét về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 đều là các đồng phạm trong vụ án, cùng tham gia tích cực vào việc trộm cắp tài sản. Xét nhân thân các bị cáo đều không có tiền án tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đây là lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

- Đối với bị cáo Đào Thị H2, do hám lời nên khi biết tài sản do các bị cáo khác trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình mua. Hành vi này đã vi phạm pháp luật và đáng bị lên án. Tuy nhiên xét nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đây là lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải vì vậy được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 và Đào Thị H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để cho các bị cáo được lao động ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, thì tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước, bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ một phần thu nhập. Các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 trước

khi phạm tội đều là công nhân, đều có thu nhập ổn định từ 04 đến 05 triệu đồng, do đó áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo từ 05% đến 10% là phù hợp. Bị cáo Đào Thị H2 trước khi phạm tội lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập mà buộc bị cáo Đào Thị H2 phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo ngoài xã hội. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, do đó miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về nghĩa vụ dân sự: Đối với 75 viên bi thép mà các bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan điều tra thu hồi, cần tuyên trả cho phía bị hại là Công ty cổ phần X. Phía bị hại là Công ty cổ phần X do ông Phạm Mạnh C1 đại diện không yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy không đề cập giải quyết. Ngoài ra ông Phạm Mạnh C1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do việc sản xuất kinh doanh của Công ty G nên ảnh hưởng đến thu nhập của các bị cáo.

[7]. Về các vật chứng của vụ án:

- Đối với 75 viên bi thép hợp kim nặng 270kg trị giá 2.700.000 đ là tài sản do các bị cáo trộm cắp của Công ty cổ phần X cần trả lại cho Công ty cổ phần X.

- Đối với 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ANBICO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, bên trong lắp sim số 0353 184 413 do Đào Thị H2 mượn của con trai là Nguyễn Đăng K1. Bị cáo Đào Thị H2 sử dụng các tài sản trên vào việc phạm tội anh K1 không biết, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh K1, vì vậy không tịch thu mà trả lại cho anh K1 là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu vàng của bị cáo Đào Thị H2 không ảnh hưởng đến việc mua bán tài sản trộm cắp, do đó cần trả lại cho bị cáo Đào Thị H2.

- Đối với 01 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn H4 là vật chứng bị cáo Đào Thị H2 sử dụng để mua tài sản trộm cắp mà có, do đó cần tịch thu để bán sung công quỹ nhà nước.

- Đối với khoản tiền 2.600.000đ là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc mua, bán tài sản trộm cắp mà có, do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A31 của Lê Thị H không liên quan đến việc phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo Lê Thị H.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S là của Nguyễn Ngọc Q2 không liên quan đến việc phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q2.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A22 bên trong lắp sim số 0985 793 902 và sim số 0329 481795 là vật chứng của vụ án, bị cáo Bùi Thị Q1 dùng vào việc liên lạc bán tài sản trộm cắp được, do đó cần tịch thu để bán sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 06 túi tải để đựng các viên bi, xét thấy đã hết giá trị sử dụng, cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1, Nguyễn Ngọc Q2 và Đào Thị H2 phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với Đào Thị Hương Kiểm sát v đề nghị xử phạt từ 20 đến 30 triệu đồng, xét thấy bị cáo Đào Thị H2 hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành án; Bản thân bị cáo Đào Thị H2 cũng đã thừa nhận trước phiên tòa về hoàn cảnh khó khăn không có khả năng thi hành án, đề nghị được cải tạo tại địa phương. Do đó không áp dụng hình phạt tiền mà áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội đối với bị cáo Đào Thị H2 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với bị cáo Đào Thị H2.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Đào Thị H2 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- + Xử phạt bị cáo Lê Thị H **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ.
- + Xử phạt bị cáo Bùi Thị Q1 **09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q2 **09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ.
- + Xử phạt bị cáo Đào Thị H2 **07 (Bảy)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án;

Giao các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1 và Nguyễn Ngọc Q2 và Đào Thị H2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo Lê Thị H bị khấu trừ thu nhập $(5.536.000đ \times 5\%) = 276.000đ$ (Hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)/01 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Bùi Thị Q1 bị khấu trừ thu nhập $(4.733.000đ \times 5\%) = 236.000đ$ (Hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng)/01 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Q2 bị khấu trừ thu nhập $(5.814.000đ \times 5\%) = 290.000đ$ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng)/ 01 tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập nêu trên bị mất việc làm hoặc không có việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đào Thị H2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[3] Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho Công ty cổ phần X 75 viên bi thép hợp kim hình cầu, màu xám nặng 270kg.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Đăng K1 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ANBICO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S PLUS, màu xám, số Seri: C39QJ5AGGRWV, số IMEI: 35328807200894, gấn sim số 0353 184 413, máy được ốp bằng miếng ốp nhựa màu đen, phần màn hình cảm ứng tại vị trí dưới bên phải có vết loang màu tím, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Đào Thị H2 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu, màu cam, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, màu xanh, kiểu máy: SM-A315G/DS, số seri: RF8NT18B, số IMEI 1: 254565116269832, IMEI 2: 354566116269830, gấn sim 1:

0337786077, sim 2: 0373408665. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, để mật khẩu 8008.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đỏ đen, kiểu máy: CPH 1803, số IMEI 1: 8615700478323573, số IMEI 2: 861570047832340, gắn sim số 0702042880. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, để mật khẩu: 771978.

+ Tịch thu 01 chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hoà, định mức 100kg, màu xanh, đã qua sử dụng của bị cáo Đào Thị H2 để bán lấy tiền sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A22, màu đen, số seri R58R73S2EGD, số IMEI 1: 358475771379171, IMEI 2: 359111891379176, gắn sim 1: 0985793902, sim 2: 0329481795, bên ngoài có ốp nhựa màu đen. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Thị Q1 để bán lấy tiền sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu khoản tiền 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) sung công quỹ nhà nước.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 06 túi tải đã đựng các viên bi thép.

(Toàn bộ tài sản cùng những đồ vật trên hiện đang bị tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có lưu trong hồ sơ vụ án);

[4] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị H, Bùi Thị Q1, Nguyễn Ngọc Q2 và Đào Thị H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000.đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND thị trấn T, H.Thanh Ba;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Người bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm